TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 172/2023/DS-PT
Ngày 28 tháng 7 năm 2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ tưới, tiêu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Hải.

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu;

Ông Lâm Thuận Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng dịch vụ tưới tiêu".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 80/2023/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 188/2023/QĐPT ngày 19/7/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Hợp tác xã nông nghiệp H Đ.

Địa chỉ: ấp Bờ Dâu, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lương Văn M, sinh năm 1970 (đại diện theo pháp luật, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị), (có mặt).

Nơi cư trú: ấp Bờ D, xã Thạnh M, huyện C, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Ông Đỗ Văn N (Luôn), sinh ngày 01/01/1976; (có mặt).

Nơi cư trú: Số nhà 535, tổ 17, ấp Ba X, xã Thạnh M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện: Tại đơn khởi kiện ngày 10/01/2022, nguyên đơn Hợp tác xã nông nghiệp H Đ trình bày: Từ vụ Đông Xuân năm 2020 đến vụ Đông Xuân năm 2022, Hợp tác xã nông nghiệp H Đ (HTXNN H Đ) có phục vụ tưới tiêu cho ông Đỗ Văn N diện tích 19.400m^2 đất nông nghiệp tọa lạc tại ấp Long Châu, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện C tỉnh An Giang với mức thỏa thuận là Đông Xuân là 135.000

đồng/1.000m^2, vụ Hè Thu là 135.000 đồng/1.000m^2, vụ Thu Đông là 155.000 đồng/1.000m^2. Từ vụ Đông Xuân năm 2020 đến nay ông Đỗ Văn N không trả tiền bơm nước cho Hợp tác xã nông nghiệp H Đ, cụ thể: Đông Xuân năm 2020 là 2.619.000 đồng; Hè thu năm 2020 là 2.619.000 đồng; Thu Đông năm 2020 là 3.007.000 đồng; Đông xuân năm 2021 là 2.619.000 đồng; Hè thu năm 2021 là 2.619.000 đồng; Thu Đông năm 2021 là 3.007.000 đồng; Đông xuân năm 2022 là 2.619.000 đồng; Hè thu năm 2022 là 2.619.000 đồng; tổng cộng là 21.728.000đồng (Hai mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng). Hằng năm sau khi thu hoạch lúa, Hợp tác xã nông nghiệp H Đ có đến thu tiền nhưng ông Đỗ Văn N không trả. Hợp tác xã nông nghiệp H Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Văn N trả 21.728.000 đồng (Hai mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng) tiền bơm nước cho Hợp tác xã nông nghiệp H Đ.

Tại đơn thay đổi khởi kiện ngày 10/11/2022, Hợp tác xã nông nghiệp H Đ trình bày: Từ vụ Đông Xuân năm 2020 đến vụ Đông Xuân năm 2022, Hợp tác xã nông H Đ có phục vụ tưới tiêu cho ông Đỗ Văn N diện tích 16.500m^2 đất nông nghiệp tọa lạc tại ấp Long Châu, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện C tỉnh An Giang với mức thỏa thuận là Đông Xuân là 135.000đồng/1.000m^2, vụ Hè Thu là 135.000đồng/1.000m^2, vụ Thu Đông là 155.000đồng/1.000m^2. Từ vụ Đông Xuân năm 2020 đến vụ Đông Xuân năm 2022 ông Đỗ Văn N không trả tiền dịch vụ tưới tiêu cho Hợp tác xã nông nghiệp H Đ. Hợp tác xã nông nghiệp H Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Văn N trả 16.252.500 đồng (Mười sáu triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng năm trăm đồng) tiền bơm nước cho Hợp tác xã nông nghiệp H Đ.

Quá trình tố tụng Hợp tác xã nông nghiệp H Đ yêu cầu ông Đỗ Văn N phải trả tiền bơm và rút nước trên diện tích đất 15.500m^2 gồm các vụ: Đông Xuân năm 2021 là 2.092.500 đồng, Hè thu năm 2021 là 2.092.500 đồng, Thu đông năm 2021 là 2.402.500 đồng, Đông Xuân năm 2022 là 2.092.500 đồng; giá dịch vụ tưới tiêu: Vụ Đông Xuân là 135.000 đồng/1.000m^2, vụ Hè Thu là 135.000 đồng/1.000m^2, vụ Thu Đông là 155.000 đồng/1.000m^2; Tổng số tiền ông N phải trả là 8.680.000 đồng (Tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Hợp tác xã nông nghiệp H Đ rút lại yêu cầu ông Đỗ Văn N trả 8.245.000 đồng tiền dịch vụ tưới, tiêu đối với các vụ Đông Xuân 2020, Hè thu năm 2020, Thu Đông năm 2020 và 2.184.000 đồng tiền dịch vụ tưới tiêu cho diện tích 3.900m^2 của các vụ Đông Xuân năm 2021, Hè thu năm 2021, Thu đông năm 2021, Đông Xuân năm 2022.

- Bị đơn ông Đỗ Văn N trình bày:

Từ vụ Đông Xuân năm 2020 đến vụ Hè Thu năm 2022 ông canh tác đúng diện tích đất từ trước đến nay là khoảng 16.000m^2. Ông sử dụng nước và thoát nước từ kênh 12, nằm giữa 02 ấp Ba Xưa và ấp Long Châu, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện C, tỉnh An Giang do Hợp tác xã nông nghiệp H Đ bơm và rút nước. Giá bơm nước vụ Đông Xuân năm 2020 đến vụ Hè Thu năm 2022 như thế nào ông không biết. Giữa ông với Hợp tác xã nông nghiệp H Đ không có thỏa thuận về giá bơm nước và rút nước. Ông cũng không biết Hợp tác xã nông nghiệp H Đ thỏa thuận thống nhất với giá người dân tại ấp Ba Xưa và ấp Long Châu như thế nào. Hợp tác xã nông nghiệp H Đ yêu cầu ông phải trả tiền bơm nước với giá bơm nước vụ Đông Xuân là 135.000 đ/1.000m^2, vụ Hè Thu là 135.000 đ/1.000m^2, vụ Thu Đông là 155.000 đ/1.000m^2, cho diện tích 19.400m^2, từ vụ

Đông Xuân năm 2020 đến vụ Hè Thu năm 2022 tổng số tiền là 21.728.000 đồng thì ông không đồng ý. Ông đồng ý trả tiền bơm và rút nước cho Hợp tác xã nông nghiệp H Đ vụ Đông Xuân năm 2020, Hè Thu năm 2020, Thu Đông năm 2020, Đông Xuân năm 2021, Hè Thu năm 2021, Thu Đông năm 2021, Đông Xuân năm 2022, Hè Thu năm 2022, diện tích đất Hợp tác xã nông nghiệp H Đ bơm và rút nước cho ông là 16.000m^2, giá là 750.000 đồng/16.000m^2/vụ.

Tại các đơn xin cứu xét ngày 13/02/2023, ngày 21/02/2023, ngày 03/03/2023 ông Đỗ Văn N trình bày ông canh tác chỉ có diện tích 15.500m^2 canh tác từ trước đến nay, nhưng Hợp tác xã cho rằng diện tích của ông là 19.400m^2 là không đúng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2023/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 275, 513, 515, 519 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã nông nghiệp H Đ.

Buộc ông Đỗ Văn N phải trả cho Hợp tác xã nông nghiệp H Đ 8.680.000 đồng (tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) tiền dịch vụ tưới tiêu vụ Đông Xuân năm 2021, Hè thu năm 2021, Thu Đông năm 2021, Đông Xuân năm 2022.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của của Hợp tác xã nông nghiệp H Đ đối với yêu cầu ông Đỗ Văn N trả 8.245.000 đồng tiền dịch vụ tưới tiêu cho diện tích 19.600m^2, các vụ Đông Xuân 2020, Hè thu năm 2020, Thu Đông năm 2020 và 2.184.000 đồng tiền dịch vụ tưới tiêu cho diện tích 3.900m^2 các vụ Đông Xuân năm 2021, Hè Thu năm 2021, Thu Đông năm 2021, Đông Xuân năm 2022.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 21/04/2023, bị đơn ông Đỗ Văn N kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã nông nghiệp H Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

Bị đơn cho rằng bị đơn có 04 máy bơm nước phục vụ cho bị đơn và bà con nông dân chung quanh trước khi lên 03 vụ, nên bị đơn cùng bơm chung với Tổ hợp tác, nên Tổ hợp tác đồng ý thu của bị đơn 750.000 đồng/ vụ, 03 vụ/1 năm = 2.250.000 đồng, Tổ hợp tác có thu của bị đơn thủy lợi phí 03 năm từ năm 2012 đến năm 2014 rồi ngưng không thu nữa. Rất mong được Tòa án xác minh làm rõ để không làm thiệt hại đến ông. Tại tòa bị đơn cũng thừa nhận ông có diện tích đất 15.500m^2 đang sản xuất nằm trong đê bao của Hợp tác xã nông nghiệp H Đ, thuộc kênh 12 do HTXNN H Đ quản lý, ông có sử dụng

nước kênh 12 nhưng là máy riêng của ông và ông lấy nước sông dưới kênh 12 chớ không lấy nước của HTXNN H Đ; vì vậy, ông chỉ đồng ý thu giá 750.000 đồng/ vụ, 03 vụ/1 năm = 2.250.000 đồng, hoặc thu 50% giá của HTXNN H Đ khởi kiện ông thì ông đồng ý, còn giảm 2.680.000 đồng ông không đồng ý và cũng không đồng ý trả số tiền 8.680.000 đồng.

Nguyên đơn đơn đồng ý giảm cho bị đơn 2.680.000 đồng, nhưng bị đơn không đồng ý, nên nguyên đơn rút lại yêu cầu giảm số tiền cho bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn N; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2023/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C. Bởi lẽ, bị đơn kháng cáo nhưng bị đơn không đưa ra được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đỗ Văn N làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét đơn kháng cáo bị đơn ông Đỗ Văn N yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án, không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy; bị đơn ông N thừa nhận có diện tích đất nằm trong đê bao khu vực bơm tưới tiêu của Hợp tác xã nông nghiệp H Đ, nhưng bị đơn cho rằng từ vụ Đông Xuân năm 2020 đến vụ Hè Thu năm 2022 ông canh tác đúng diện tích đất từ trước đến nay là khoảng 16.000m^2. Ông sử dụng nước và thoát nước từ kênh 12, nằm giữa 02 ấp Ba Xưa và ấp Long Châu, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện C tỉnh An Giang do HTXNN H Đ quản lý. Giá bơm nước vụ Đông Xuân năm 2020 đến vụ Hè Thu năm 2022 như thế nào ông không biết. Giữa ông với Hợp tác xã nông nghiệp H Đ không có thỏa thuận về giá bơm nước và rút nước. Ông cũng không biết HTXNN H Đ thỏa thuận, thống nhất với giá thu tưới, tiêu của người dân tại ấp Ba Xưa và ấp Long Châu như thế nào.

[2.1] Tại các đơn xin cứu xét ngày 13/02/2023, ngày 21/02/2023 ông N trình bày ông canh tác chỉ có 15.500m^2. Tại tòa sơ thẩm, Hợp tác xã nông nghiệp H Đ đồng ý với diện tích đất bị đơn canh tác theo đơn yêu cầu cứu xét; nhưng yêu cầu ông Đỗ Văn N phải trả tiền bơm và rút nước các vụ: Đông Xuân năm 2021 là 2.092.500 đồng, Hè thu năm 2021 là 2.092.500 đồng, Thu đông năm 2021 là 2.402.500 đồng, Đông Xuân năm 2022 là 2.092.500 đồng; theo giá dịch vụ tưới, tiêu là: Vụ Đông Xuân là 135.000 đồng/1.000m^2, vụ Hè Thu là 135.000 đồng/1.000m^2, vụ Thu Đông là 155.000

đồng/1.000m^2; Tổng số tiền ông N phải trả là 8.680.000đồng (Tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). HTXNN H Đ rút lại yêu cầu ông Đỗ Văn N trả 8.245.000đồng tiền dịch vụ tưới tiêu đối với các vụ Đông Xuân 2020, Hè thu năm 2020, Thu Đông năm 2020 và 2.184.000đồng tiền dịch vụ tưới tiêu cho diện tích 3.900m^2 của các vụ Đông Xuân năm 2021, Hè thu năm 2021, Thu đông năm 2021, Đông Xuân năm 2022.

[2.2] Xét thấy, việc cấp sơ thẩm nhận định, tại biên bản hòa giải ngày 27/10/2020, ông N thừa nhận HTXNN H Đ bơm nước cho ông khoảng 16.100m^2, gồm diện tích ông đứng tên và diện tích ông Be cha ông đứng tên nhưng ông là người canh tác sử dụng; ông N còn thừa nhận ông sử dụng nước và thoát nước từ kênh 12, nằm giữa 02 ấp Ba Xưa và ấp Long Châu thuộc xã Thạnh Mỹ Tây, huyện C do HTXNN H Đ bơm và rút nước. Đối với các vụ tưới, tiêu HTXNN H Đ yêu cầu ông N đều thừa nhận đúng; nhưng ông cho rằng giá chỉ quy định 750.000 đồng/16.000m^2/vụ. Tại các Đơn xin cứu xét ông N cũng thừa nhận ông canh tác chỉ 15.500m^2; HTXNN H Đ thống nhất thu ông giá 750.000 đồng x 3 vụ = 2.250.000 đồng; tại đơn kháng cáo ông cũng trình bày HTXNN H Đ thống nhất thu ông giá 750.000 đồng x 3 vụ = 2.250.000 đồng; giá dịch vụ tưới, tiêu ông N đưa ra nhưng không được đại diện HTXNN H Đ thừa nhận và ông cũng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông N có nghĩa vụ trả tiền dịch vụ tưới, tiêu cho HTXNN H Đ 8.680.000 đồng (tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng), theo giá dịch vụ nêu trên đối với các hộ trong vùng tưới, tiêu của HTXNN H Đ, được UBND xã Thạnh Mỹ Tây xác nhận là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Ông Đỗ Văn N kháng cáo, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông không cung cấp được chứng cứ gì mới, chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông. Do đó, cần chấp nhận quan điểm đề xuất hướng giải quyết của đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2023/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng; ông được khấu trừ vào tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005524 ngày 28/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 80/2023/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 275, 513, 515, 519 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã nông nghiệp H Đ.

Buộc ông Đỗ Văn N phải trả cho Hợp tác xã nông nghiệp H Đ 8.680.000 đồng (tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) tiền dịch vụ tưới, tiêu vụ Đông Xuân năm 2021, Hè thu năm 2021, Thu đông năm 2021, Đông Xuân năm 2022.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của của Hợp tác xã nông nghiệp H Đ đối với yêu cầu ông Đỗ Văn N trả 8.245.000đồng tiền dịch vụ tưới tiêu cho diện tích 19.600m^2, các vụ Đông Xuân 2020, Hè thu năm 2020, Thu Đông năm 2020 và 2.184.000đồng tiền dịch vụ tưới tiêu cho diện tích 3.900m^2 các vụ Đông Xuân năm 2021, Hè thu năm 2021, Thu đông năm 2021, Đông Xuân năm 2022.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả thêm lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông N phải chịu 300.000 đồng; ông được khấu trừ vào tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005524 ngày 28/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Về án phí DSST: Ông Đỗ Văn N phải chịu 434.000 đồng (bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Hợp tác xã nông nghiệp H Đ không phải chịu án phí nên được nhận lại 543.200 đồng (Năm trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004775 ngày 27/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA-DS C;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Hải